

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 848/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 25 - 8 - 2026.
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vân
2. Ông Nguyễn Tấn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 430/2026/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 269/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2026, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: - Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày: 10/02/1981; Số căn cước công dân: 05218101xxxx, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 28/6/2021; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm 1, thôn A, phường B, tỉnh G;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn V - Luật sư, Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh G.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh ngày: 06/6/1983; Số căn cước công dân: 05208301xxxx do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/8/2021; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm 1, thôn A, phường B, tỉnh G.

(Các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn P trước khi kết hôn có tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện, đến ngày 19/3/2004 thì anh chị kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G). Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh P có người phụ nữ khác, không còn quan tâm đến gia đình và vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, anh chị sống ly thân đã lâu nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn P để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 02/01/2005 (chết năm 2024) và Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/10/2010. Hiện nay con chung Nguyễn Thị Hồng D đang sống với anh P, vì con chung của anh chị bị bệnh tự kỷ, không được lanh lợi. Trước đây, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Nhưng tại phiên toà hôm nay, chị đồng ý giao con chung cho anh P nuôi dưỡng, vì lâu nay cháu sống với anh P đã ổn định. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh P tự thoả thuận, không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình làm việc, chị T đã kê khai vợ chồng có các tài sản chung gồm:

- + Nhà, đất tại thửa đất số 311B, tờ bản đồ số 15, diện tích 743m²; Địa chỉ: Xóm 1, thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH00563 do UBND thành phố Q cấp ngày 28/5/2012 (gia hạn sử dụng đất đến ngày 31/10/2063);

- + Thửa đất số D32, khu tái định cư L, diện tích 200m² đất ở. Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH03924 do UBND thành phố Quy Nhơn cấp ngày 01/02/2024;

- + Thửa đất rừng có tục danh ông Bộ do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng vào năm 2017, Địa chỉ: thôn L, xã Phước Mỹ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai).

- + Thửa đất rẫy có tục danh bà Phận, do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng của bà Phận vào năm 2016, Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh B (nay là phường T, tỉnh G).

- + Thửa đất rẫy ở S (gần Z) do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng vào năm 2014.

Trước đây chị yêu cầu giao toàn bộ tài sản cho anh P sở hữu, yêu cầu anh Phương phải có nghĩa vụ giao lại cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị. Nhưng tại phiên toà hôm nay, chị yêu cầu về việc chia tài sản như sau:

- Chị yêu cầu được nhận Thửa đất số D32, khu tái định cư L, diện tích 200m² đất ở. Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH03924 do UBND thành phố Q cấp ngày 01/02/2024 theo giá mà Hội đồng định giá ngày 08/6/2026 đã định là 800.000.000 (*Tám trăm triệu đồng*).

- Chị đồng ý giao nhà, đất tại thửa đất số 311B, tờ bản đồ số 15, diện tích 743m²; Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH00563 do UBND thành phố Q cấp ngày 28/5/2012 (gia hạn sử dụng đất đến ngày 31/10/2063); Chị thống nhất giá trị lô đất như Hội đồng định giá đã định là 1.800.000.000 (*một tỷ tám trăm triệu đồng*), chị thống nhất giao cho anh Phương sở hữu. Yêu cầu anh P có nghĩa vụ giao lại cho chị 400.000.000 (*bốn trăm triệu đồng*) gồm tiền bán các lô đất và giá trị chênh lệch tài sản.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về điều kiện kết hôn, trước khi cưới anh chị có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G). Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm, trách nhiệm với nhau không còn nên anh thống nhất ly hôn với chị T để hai bên ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 02/01/2005 (chết năm 2024) và con chung Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/10/2010. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Anh thống nhất vợ chồng có các tài sản như sau:

- + Thửa đất số 311B, tờ bản đồ số 15, diện tích 743m²; Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G). Mặc dù là đất trồng cây hàng năm khác nhưng vợ chồng anh đã xây dựng nhà ở kiên cố trên đất và ở ổn định cho đến nay.

- + Thửa đất số D32, khu tái định cư L, diện tích 200m² đất ở. Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G)

- + Thửa đất rừng có tục danh ông Bộ do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng vào năm 2017, Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G)

- + Thửa đất rẫy có tục danh bà Phận, do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng của bà X vào năm 2016, Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G)

- + Thửa đất rẫy ở S (gần Z) do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng vào năm 2014.

Hiện nay chỉ còn thửa đất số 311B, tờ bản đồ số 15, diện tích 743m², địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G) và thửa đất số D32, khu tái định cư Long Mỹ, diện tích 200m² đất ở. Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ

Còn những thửa đất khác: Thửa đất rừng có tục danh ông Bộ do vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng vào năm 2017, Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ; Thửa đất rẫy có tục danh bà Phận, do vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng của bà X vào năm 2016, Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G); Thửa đất rẫy ở S (gần Z) do vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng vào năm 2014, trong quá trình làm ăn thua lỗ, nên anh đã bán những tài sản nói trên với giá là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Nếu ly hôn, anh thống nhất theo yêu cầu của chị T. Cụ thể như sau:

- Anh nhận nhà, đất tại thửa đất số 311B, tờ bản đồ số 15, diện tích 743m²; Địa chỉ: Xóm 1, thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G) và có nghĩa vụ giao lại cho chị T số tiền là 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng), thời gian giao tiền vào ngày 25/9/2026.

- Anh đồng ý giao cho chị T sở hữu lô đất tái định cư tại: Thửa đất số D32, khu tái định cư Long Mỹ, diện tích 200m² đất ở. Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G)

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật TTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 59, 60, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P;

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/10/2010 cho anh P nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh P tự thỏa thuận nên Toà không xem xét;

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T thửa đất số: Lô D32; Địa chỉ: Khu quy hoạch tái định cư L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G) Diện tích 200m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn và 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng) do anh Phương có nghĩa vụ giao lại.

Giao anh P thửa đất số 311B, tờ bản đồ số 13; diện tích 743,0m²; Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G); Mục đích sử dụng: Đất cây hàng

năm khác. Anh P có nghĩa vụ giao lại cho chị Thường 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng) giá trị tài sản chênh lệch.

- Án phí HNGĐ: Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.
- Án phí chia tài sản: Chị T và anh P phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại Xóm 1 thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G). Do đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xỹ, thành phố Q nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, không còn trách nhiệm với nhau và hiện nay anh chị đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay cả hai anh chị đều thống nhất thuận tình ly hôn.

HĐXX xét thấy: Việc chị T và anh P đồng ý thuận tình ly hôn là tự nguyện, không ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 02/01/2005 (chết năm 2024) và cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/10/2010. Theo chị T trình bày thì lâu nay vợ chồng anh chị sống ly thân, cháu D sống với anh P, cuộc sống của cháu đã ổn định. Do đó, để tránh việc xáo trộn cuộc sống của cháu nên nay chị tự nguyện giao cháu Diệu cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà giải quyết.

Toà xét, việc nuôi con sau khi ly hôn phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Tại phiên toà hôm nay cả hai anh chị đều thống nhất giao con chung Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/10/2010 cho anh P nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận của anh chị là phù hợp qui định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh P không yêu cầu nên Toà không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên toà hôm nay chị T và anh P thống nhất thỏa thuận:

- Chị Nguyễn Thị T được nhận lô đất tái định cư tại: Lô D32; Địa chỉ: Khu quy hoạch tái định cư L, xã M, thành phố Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G); Diện tích 200m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn và Lô đất số 311B, tờ bản đồ số 13; diện tích 743,0m²; Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G).

Mục đích sử dụng: Đất cây hàng năm khác và số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng) do anh P có nghĩa vụ giao lại.

- Anh P được nhận nhà, đất tại: Thửa đất số 311B, tờ bản đồ số 13; diện tích 743,0m²; Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G). Mục đích sử dụng: Đất cây hàng năm khác và có nghĩa vụ thối lại cho chị T số tiền là 4000.000.000 (bốn trăm triệu đồng) giá trị tài sản chênh lệch, thời gian giao tiền là ngày 25/9/2026.

HĐXX xét thấy: Tại phiên toà hôm nay, chị T và anh P thống nhất tự thoả thuận việc phân chia tài sản. Việc thoả thuận của chị T và anh P là tự nguyện, không ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), chị Thường đã tạm ứng, đã chi xong. Anh P và chị T mỗi người phải chịu ½. Anh P có nghĩa vụ hoàn lại cho chị T 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Thường phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí chia tài sản: Chị T và anh P phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 38, 55, 59, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P có một con chung là Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/10/2010.

2.2 Về nuôi con: Giao con chung Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/10/2010 cho anh Phương được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh P không yêu cầu nên Toà không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P cụ thể như sau:

3.1. Chị Nguyễn Thị T được nhận lô đất tái định cư tại: Lô D32; Địa chỉ: Khu quy hoạch tái định cư L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G); Diện tích 200m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được UBND thành phố Q cấp ngày 01/02/2024, số vào sổ cấp GCN: CH03924) và số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng) do anh P có nghĩa vụ giao lại.

- Anh Nguyễn Văn P được nhận nhà, đất tại: Thửa đất số 311B, tờ bản đồ số 13; diện tích 743,0m²; Địa chỉ: thôn L, xã M, TP. Q, tỉnh Đ (nay là phường T, tỉnh G). Mục đích sử dụng: Đất cây hàng năm khác và có nghĩa vụ giao lại cho chị T số tiền chênh lệch tài sản là 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng). Thời gian giao tiền là ngày 25/9/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí HNGĐ: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001640 ngày 23/5/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Q

5. Về án phí chia tài sản:

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu 48.000.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001639 ngày 23/5/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1). Chị T còn phải nộp 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

- Anh Nguyễn Văn Phương phải chịu 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

6. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), chị T đã tạm ứng, đã chi xong. Anh P và chị T mỗi người phải chịu ½. Anh P có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Thường 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

8.2- Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận :

- VKSND Khu vực 1 - Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Ngọc Lan